

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06-7-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Quảng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 414/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H; nơi cư trú: Số 2/10/45 đường N, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn D; nơi cư trú: Số 2/10/45 đường N, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Bà và Ông Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Ông bà có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 10/4/1987.

Sau khi kết hôn, ông bà sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhiều nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Đến nay, ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 21/01/198X và Phạm Bảo L, sinh ngày 11/5/200Y đến nay hai con đều đã thành niên, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Ông Phạm Văn D trình bày tại bản tự khai như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị Bích H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 10/4/1987.

Sau khi kết hôn ông bà sống hòa thuận đến thời điểm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi nhau. Đến nay, ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Nay bà H có đơn xin ly hôn với ông, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không hạnh phúc nhưng do ông lớn tuổi rồi nên không muốn ly hôn sợ ảnh hưởng đến con cháu và gia đình hai bên mong rằng Tòa án để cho ông bà tiếp tục sống ly thân.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 21/01/198X và Phạm Bảo L, sinh ngày 11/5/200Y đến nay hai con đều đã thành niên, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng

các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét mâu thuẫn của bà Nguyễn Thị Bích H và Ông Phạm Văn D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân cho bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn Ông Phạm Văn D. Về việc nuôi con: Ông bà có hai con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 21/01/198X và Phạm Bảo L, sinh ngày 11/5/200Y đến nay hai con đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về việc chia tài sản: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn Ông Phạm Văn D cư trú trên địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 30 tháng 5 năm 2023, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử 329/2023/QĐXXST-HNGĐ và đã tổng đạt hợp lệ quyết định trên cho ông D nhưng tại phiên toà ngày 20 tháng 6 năm 2023 ông D vắng mặt lần thứ nhất, không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà số 414/2023/QĐST-HNGĐ trong đó ấn định phiên toà được mở lại vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 06 tháng 7 năm 2023 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên toà cho ông D. Tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông D tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Bích H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 10/4/1987. Vì vậy, hôn nhân giữa ông D và bà H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, ông bà có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính

cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi nhau. Đến nay, ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc.

[4] Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi nhau. Đến nay, ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Xét mâu thuẫn giữa ông D và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H với ông D.

+ Về việc nuôi con:

[5] Ông bà có hai con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 21/01/198X và Phạm Bảo L, sinh ngày 11/5/200Y đến nay hai con đều đã thành niên, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[6] Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Bích H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[7] Bà Nguyễn Thị Bích H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn Ông Phạm Văn D.

- Về việc nuôi con: Ông bà có hai con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 21/01/198X và Phạm Bảo L, sinh ngày 11/5/200Y đến nay hai con đều đã thành niên, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về việc chia tài sản: Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Bích H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006868 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị Bích H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Nguyễn Thị Bích H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Phạm Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Ủy ban nhân dân phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 10/4/1987);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền

